

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ KHÚC THỪA DỤ

(Biểu số 109/CK TC-NSNN

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2026

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

(Kèm theo Quyết định số 1766/QĐ-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã Khúc Thừa Dụ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2025		DỰ TOÁN NĂM 2026		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG THU	218,742	208,867	235,202	224,097	108	107
I	Các khoản thu 100%	1,766	1,684	2,474	2,474	140	147
	Phí, lệ phí	238	156	400	400	168	256
	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	423	423	500	500	118	118
	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	299	299	350	350	117	117
	Lệ phí trước bạ nhà, đất	379	379	1,034	1,034	273	273
	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp			-			
	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định			-			
	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định			-			
	Đóng góp của nhân dân theo quy định			-			
	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân	281	281	-		-	-
	Thu khác ngân sách	145	145	190	190	131	131
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	16,997	7,204	22,256	11,151	131	155
1	Các khoản thu phân chia	16,997	7,204	22,256	11,151	131	155
	- Thu tiền thuê đất	74	-	500	200	672	
	- Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình			-		-	

	- Thuế TNCN	3,055	2,497			-	-
	- Lệ phí trước bạ	2,948	379	3,666	1,833	124	484
	- Thu từ KV DNNN do cấp xã quản lý	24	-			-	
	- Thu từ khu vực ngoài quốc doanh	4,182	681	11,330	6,118	271	898
	- Thu tiền sử dụng đất	5,719	2,859	6,000	3,000	105	105
	- Thu khác ngân sách	995	787	760	-	76	-
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định			-	-	-	
IV	Thu chuyển nguồn	9,136	9,136	-		-	-
V	Thu kết dư ngân sách năm trước	22	22	-		-	-
VII	Nguồn CCTL dùng để cân đối chi tăng lương			-			
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	190,820	190,820	210,472	210,472	110	110
	- Thu bổ sung cân đối	128,207	128,207	209,392	209,392	163	163
	- Thu bổ sung có mục tiêu	62,614	62,614	1,080	1,080	2	2